TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST Ngày:25-9-2023 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hồng Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm

2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Trần Phương Duy- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2023/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 940/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1039/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Bị đơn: Anh Phạm Vũ L, sinh năm 1992

Địa chỉ: tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/5/2023, đơn khởi kiện bổ sung, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Vũ L tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thị xã Đ vào năm 2017. Sau khi kết hôn chị và anh L sống chung với cha mẹ chồng vài tháng, sau đó do công việc nên chị về nhà mẹ ở P để ở, còn anh L ở P. Chị và anh L bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2020, nguyên nhân là do anh L thường uống rượu, cờ bạc và không lo làm ăn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể tiếp tục chung sống với anh L nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: có một con chung tên Phạm Gia K sinh ngày 27/3/2019. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Vũ L đã nhận được các thông báo của Tòa án nhưng anh không cung cấp văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82 ,83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Vũ L, giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Phạm Vũ L ở tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Vũ L tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường P, do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hoàn toàn hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, Nguyên nhân theo chị T là do anh L thường uống rượu, cờ bạc, không lo làm ăn. Giữa chị T và anh L đã không còn chung sống và cả hai đã không còn quan tâm với nhau. Về phía anh L đã được Tòa án tống đạt các thông báo nhưng anh L không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị T. Quá trình Tòa án giải quyết đã mời anh tham gia hòa giải nhưng anh L không đến.

Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh L.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh L có một con chung tên Phạm Gia K sinh ngày 27/3/2019. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu K mới hơn 4 tuổi, hiện đang sống với mẹ, do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cả cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Chị T khai không có.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Vũ L.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Gia K sinh ngày 27/3/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Phạm Vũ L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở.

3.Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Chị T khai không có.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005611 ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND phường Phổ Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hồng Mỹ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Hồng Mỹ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- UBND phường Phổ Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Hồng Mỹ
